

THÔNG BÁO

Tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2021

Căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh năm 2021, trường Đại học Công nghiệp Hà Nội thông báo tổ chức tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2021, như sau:

I/ Ngành đào tạo, chỉ tiêu tuyển sinh

Stt	Ngành đào tạo	Mã số	Chỉ tiêu (dự kiến)
1	Kỹ thuật Cơ khí	8520103	15
2	Kỹ thuật Cơ khí Động lực	8520116	15
3	Kỹ thuật Cơ điện tử	8520114	10
4	Kỹ thuật Hóa học	8520301	15
5	Kỹ thuật Điện tử	8520203	15
6	Kỹ thuật Điện	8520201	10
7	Kế toán	8340301	15
8	Quản trị kinh doanh	8340101	30
9	Hệ thống thông tin	8480104	15
10	Ngôn ngữ Anh	8220201	10
11	Công nghệ Dệt, may	8540204	10

II/ Thời gian và hình thức đào tạo

Chương trình đào tạo thạc sĩ theo học chế tín chỉ, thời gian học: 1,5 năm.

III/ Điều kiện dự thi, hồ sơ, môn thi, đối tượng ưu tiên và đk trúng tuyển

1. Điều kiện dự thi

- Điều kiện văn bằng.

Người dự thi cần thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tốt nghiệp đại học đúng hoặc phù hợp với ngành đăng ký dự thi;
- Tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành đăng ký dự thi phải học bổ sung kiến thức trước khi dự thi. Người dự thi ngành Quản trị kinh doanh tốt nghiệp đại học ngành khác, phải học bổ sung kiến thức và có ít nhất 02 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực quản trị kinh doanh (**Phụ lục I**).

- Có đủ sức khỏe để học tập.
- Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của Hội đồng tuyển sinh.

Ghi chú: Nếu người dự thi có văn bằng tốt nghiệp đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp, ngoài các điều kiện nêu trên phải có công nhận về văn bằng tốt nghiệp của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Hồ sơ dự thi bao gồm

Đơn đăng ký dự thi; Sơ yếu lý lịch; Bản sao Bằng và Bảng điểm bậc Đại học; Giấy chứng nhận sức khỏe; 04 ảnh 3x4 cm; Bản sao giấy khai sinh; 02 phong bì có dán tem, ghi địa chỉ liên hệ; Giấy xác nhận được hưởng chế độ ưu tiên (nếu có); Xác nhận trình độ ngoại ngữ (nếu có).

3. Môn thi tuyển sinh

Stt	Ngành đào tạo	Môn Cơ sở ngành (Tự luận – 180’)	Môn Ch. ngành (Tự luận – 180’)	Môn N.ngữ (90’)
1	KT. Cơ khí	Sức bền vật liệu	CN. Chế tạo máy	Tiếng Anh
2	KTCK Động lực		LT. Động cơ ô tô	
3	KT. Cơ Điện tử		Cơ điện tử	
4	KT. Hóa học	Cơ sở LT. Hóa học	KT. Phản ứng	
5	KT. Điện tử	KT. Mạch điện tử	KT vi xử lý	
6	KT. Điện	Mạch điện	Cung cấp điện	
7	Kế toán	Nguyên lý kế toán	Kế toán tài chính	
8	Quản trị kinh doanh	Quản trị học	Quản trị sản xuất	
9	Hệ thống thông tin	Toán rời rạc	Cơ sở dữ liệu	
10	Công nghệ dệt, may	Vật liệu dệt may	CN Dệt may	
11	Ngôn ngữ Anh	Các kỹ năng thực hành Tiếng Anh (Nghe, đọc, viết)	Lý thuyết TA (Ngữ âm và âm vị học, Ngữ pháp lý thuyết và ngữ nghĩa TA)	Tiếng Nhật; Trung Quốc; Pháp hoặc tiếng Hàn Quốc (*)

(*) Thí sinh dự thi ngành Ngôn ngữ Anh, đăng ký dự thi một trong các ngoại ngữ.

4. Đối tượng được miễn thi ngoại ngữ (Tiếng Anh)

- Có bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, tiến sĩ được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài bằng Tiếng Anh, được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng theo quy định;

- Có bằng tốt nghiệp đại học chương trình tiên tiến theo Đề án của Bộ Giáo dục và Đào tạo về đào tạo chương trình tiên tiến ở một số trường đại học của Việt Nam hoặc bằng kỹ sư chất lượng cao (PFIEV) được ủy ban bằng cấp kỹ sư (CTI, Pháp) công nhận, có đối tác nước ngoài cùng cấp bằng;

- Có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ Tiếng Anh;

- Có chứng chỉ trình độ ngoại ngữ (**Phụ lục II**) trong thời hạn 2 năm từ ngày cấp chứng chỉ đến ngày đăng ký dự thi, được cấp bởi một cơ sở được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép hoặc công nhận.

5. Đối tượng và mức ưu tiên

▪ Đối tượng ưu tiên

- Người có thời gian công tác liên tục từ 2 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành;

- Thương binh; Người hưởng chính sách như thương binh; Con liệt sĩ; Anh hùng lực lượng vũ trang; Anh hùng lao động;

- Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 2 năm trở lên ở địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành;

- Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hóa học.

▪ **Mức ưu tiên**

- Cộng mười điểm cho môn Ngoại ngữ (thang điểm 100);
- Cộng một điểm cho môn Cơ sở ngành (thang điểm 10).

6. Điều kiện trúng tuyển

- Thí sinh thuộc diện trúng tuyển phải đạt 50% của thang điểm đối với mỗi môn thi. Căn cứ chỉ tiêu tuyển sinh theo ngành đào tạo và tổng điểm hai môn thi (Cơ sở ngành và Chuyên ngành) hội đồng tuyển sinh xác định phương án điểm trúng tuyển.

- Đối với công dân nước ngoài, nhà trường sẽ căn cứ vào ngành đào tạo, kết quả học tập ở trình độ đại học và trình độ tiếng Việt để xét tuyển. Trường hợp có điều ước quốc tế hoặc thoả thuận hợp tác giữa Chính phủ Việt Nam với chính phủ nước ngoài hoặc tổ chức quốc tế về việc tiếp nhận công dân nước ngoài đến học tập trình độ thạc sĩ thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế hoặc thoả thuận hợp tác đó.

IV/ Thời gian tuyển sinh (Dự kiến)

Stt	Nội dung	Đợt 1	Đợt 2
1	Phát hành hồ sơ	Liên tục trong giờ hành chính	
2	Nhận hồ sơ	01/3 ÷ 18/6/2021	01/8 ÷ 22/10/2021
3	Học bổ sung kiến thức	26/4 ÷ 18/6/2021	06/9 ÷ 22/10/2021
4	Tổ chức thi tuyển sinh	03&04/7/2021	06&07/11/2021

V/ Công bố kết quả và Khai giảng khóa học (Dự kiến)

Stt	Nội dung	Đợt 1	Đợt 2
1	Công bố kết quả	12/7/2021	15/11/2021
2	Khai giảng khóa học	31/7/2021	27/11/2021

VI/ Địa điểm phát hành và nhận hồ sơ tuyển sinh

Văn phòng Trung tâm Đào tạo Sau đại học, P.306, A1, trường ĐH Công nghiệp Hà Nội, Số 298 Đường Cầu Diễn, P. Minh Khai, Q. Bắc Từ Liêm, TP. Hà Nội.

Điện thoại: 02.437655121, máy lẻ: 7266 hoặc 7249.

Mọi thông tin khác tham khảo tại Website: <http://www.haui.edu.vn>.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (đề b/c);
- Các Cục, Viện, Trường, Công ty;
- Các Phòng, Khoa, TT trong trường;
- Thông báo trên Website nhà trường;
- Lưu: VT, SĐH.

KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Phạm Văn Bổng

Phụ lục I. DANH MỤC CÁC NGÀNH ĐÚNG, NGÀNH PHÙ HỢP VÀ NGÀNH GẦN
(Kèm theo Thông báo số: 05/TB-ĐHCN ngày 18 tháng 01 năm 2021
của trường Đại học Công nghiệp Hà Nội)

Quản trị kinh doanh		
Stt	Mã số	Tên ngành
Ngành đúng		
1	7340101	Quản trị kinh doanh
Ngành phù hợp		
1	7340115	Marketing
2	7340120	Kinh doanh quốc tế
3	7340121	KD thương mại
4	7340116	Bất động sản
5	7340123	KD thời trang và DM
6	7340122	Thương mại điện tử
Ngành gần		
1	7340401	Khoa học quản lý
2	7340404	Quản trị nhân lực
3	7340201	Tài chính - Ngân hàng
4	7340204	Bảo hiểm
5	7340408	Quan hệ lao động
6	7340409	Quản lý dự án
7	7340406	Quản trị văn phòng
8	7310104	Kinh tế đầu tư
9	734030..	Kế toán/Kiểm toán
Kế toán		
Ngành đúng		
1	7340301	Kế toán
Ngành phù hợp		
1	7340302	Kiểm toán
Ngành gần		
1	7340101	Quản trị kinh doanh
2	734011..	Marketing/ BĐS
3	7340120	Kinh doanh quốc tế
4	7340121	KD thương mại
5	7340122	Thương mại điện tử
6	7340123	KD thời trang và DM
7	734020..	TC- NH/ Bảo hiểm
8	7340401	Khoa học quản lý
9	7340404	Quản trị nhân lực
10	7340405	Hệ thống TT quản lý
11	7340408	Quan hệ lao động
Ngôn ngữ Anh		
Ngành đúng		
1	7220201	Ngôn ngữ Anh
Ngành phù hợp		
1	7140231	Sư phạm Tiếng Anh
2		TA Biên - Phiên dịch
3		Tiếng Anh Chuyên ngành (Thương mại, ngân hàng, du lịch,...)

Kỹ thuật Cơ khí		
Stt	Mã số	Tên ngành
Ngành đúng		
1	7520103	Kỹ thuật cơ khí
Ngành phù hợp		
1	7510202	CN Chế tạo máy
Ngành gần		
1	7520101	Cơ Kỹ thuật
2	7520114	KT Cơ điện tử
3	752011..	KT nhiệt/CKDL/CN
4	7520118	KT HT công nghiệp
5	751020..	CNKT ô tô/ Nhiệt
6	7510211	Bảo dưỡng CN
Kỹ thuật Cơ điện tử		
Ngành đúng		
1	7520114	Kỹ thuật Cơ điện tử
Ngành phù hợp		
1	7510203	CNKT Cơ điện tử
Ngành gần		
1	752010..	KTCK/ Cơ KT
2	7510202	CN chế tạo máy
3	7520216	KT ĐK và TĐH
4	7510301	CNKT điện, ĐT
Hệ thống thông tin		
Ngành đúng		
1	7480104	Hệ thống thông tin
Ngành phù hợp		
1	7480101	Khoa học máy tính
2	7480102	TT và mạng MT
3	7480....	KTPM; CNTT
Ngành gần		
1	75103...	CNKT-Đ, ĐT-VT
2		KTMT; HTTTQL
3		SPTT; Toán Ư. Dụng
Kỹ thuật Điện tử		
Ngành đúng		
1	7510302	CNKT ĐT - VT
Ngành phù hợp		
1	7520207	KT Điện tử - VT
Ngành gần		
1	7510301	CNKT điện, ĐT
2	7480108	CNKT máy tính
3	7480106	Kỹ thuật máy tính
4	7510303	CNKT ĐK và TĐH
5	7520216	KT ĐK và TĐH
6	7480102	Mạng MT và TT dữ liệu

Kỹ thuật Cơ khí động lực		
Stt	Mã số	Tên ngành
Ngành đúng		
1	7520116	KT Cơ khí động lực
Ngành phù hợp		
1	7520130	Kỹ thuật Ô tô
2	7520122	Kỹ thuật tàu thủy
Ngành gần		
1	7520103	Kỹ thuật Cơ khí
2	752011..	KT Cơ ĐT/Nhiệt
3	7520118	KT HT công nghiệp
Kỹ thuật Điện		
Ngành đúng		
1	7510301	CNKT điện, ĐT
2	7520201	Kỹ thuật điện
Ngành phù hợp		
1	7510303	CNKT ĐK&TĐH
2	7520216	KT ĐK và TĐH
Ngành gần		
1	7520207	KT điện tử-VT
2	7510301	CNKT điện tử -VT
3	7520212	Kỹ thuật Y sinh
4	7520114	KT Cơ điện tử
Kỹ thuật Hóa học		
Ngành đúng		
1	7520301	Kỹ thuật hóa học
Ngành phù hợp		
1	7510401	CN KT hóa học
Ngành gần		
1	7440112	Hóa học
2	7140212	Sư phạm hóa học
3	7720203	Hóa dược
4	7510406	CNKT môi trường
5	7520309	Kỹ thuật vật liệu
6	7540101	CN thực phẩm
7	7420201	CN sinh học
Công nghệ dệt, may		
Ngành đúng		
1	7540204	CN dệt, may
2	7540203	CN VL dệt may
Ngành phù hợp		
1	7520312	Kỹ thuật dệt
2	7540202	Công nghệ sợi dệt
Ngành gần		
1	7540206	Công nghệ da giày
2	7210406	Thiết kế thời trang
3	7140246	Sư phạm công nghệ

Phụ lục II

BẢNG THAM CHIẾU QUY ĐỔI CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ Áp dụng miễn thi môn ngoại ngữ tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ

(Kèm theo Thông báo số: 05/TB-ĐHCN ngày 18 tháng 01 năm 2021
của trường Đại học Công nghiệp Hà Nội)

1. Chứng chỉ Tiếng Anh

Cấp độ (CEFR)	IELTS	TOEFL	TOEIC	Cambridge Exam	BEC	BULATS	Khung Châu Âu
3/6 (Khung VN)	4.5	450 PBT 133 CBT 45 iBT	450	Preliminary PET	Business Preliminary	40	B1

2. Chứng chỉ các ngoại ngữ (Điều kiện miễn thi môn ngoại ngữ 2, dành cho thí sinh dự thi ngành Ngôn ngữ Anh)

Cấp độ (CEFR)	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Đức	Tiếng Trung Quốc	Tiếng Nhật	Tiếng Hàn Quốc
3/6 (Khung VN)	TRKI 1	DELFB1 TCF niveau 3	B1 ZD	HSK cấp độ 3	JLPT N4	TOPIK cấp độ 3

(Các điểm nêu trên là điểm tối thiểu cần đạt được).

